

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 223/2022/DS-GĐT

Ngày: 25/8/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Cường

Ông Võ Văn Khoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thẩm tra viên

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Công T**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Long Điền Đông A, huyện ĐH, tỉnh BL.

2. *Bị đơn:* Bà **Trịnh Kim D**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh BL

Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL.

3.2. Bà **Nguyễn Thị Tn**, sinh năm 1961 (vợ ông Nguyễn Công T).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Long Điền Đông A, huyện ĐH, tỉnh BL.

3.3. Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL.

3.4. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1967 (chồng bà Trịnh Kim D, đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1999; bà Trịnh Kim D, sinh năm 1967.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 05/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/8/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Công T trình bày:

Năm 2004, cha vợ của ông là cụ Nguyễn Văn Thà cho vợ chồng ông phần đất có diện tích 7.800m², tọa lạc tại Ấp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL. Cụ Thà và vợ chồng ông đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*dưới đây gọi tắt là GCNQSDĐ*). Giáp ranh với phần đất này là đất của bà Trịnh Kim D, có một hàng cây làm ranh giới. Năm 2011, khi Nhà nước làm đường Giá Rai - Gành Hào, ông có mời chính quyền địa phương và các hộ giáp ranh chứng kiến để trồng lại một số cây đã mất trên ranh đất tại vị trí cũ, nhưng bà D không đồng ý nên dẫn đến tranh chấp. Sau đó, ông phát hiện bà D đã được cấp GCNQSDĐ đối với phần đất của ông.

Ông yêu cầu bà D và ông Nguyễn Văn K trả cho ông diện tích 1.159,9 m² thuộc một phần thửa đất số 169, tờ bản đồ số 25; diện tích 118,9 m² thuộc một phần thửa 170, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại Ấp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL; trả ông số tiền 592.020.000 đồng mà vợ chồng bà D đã nhận khi Nhà nước thu hồi đất; yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đối với diện tích 1.159,9m² thuộc một phần thửa đất số 169, nay là thửa 183, tờ bản đồ số 25 do hộ bà Trịnh Kim D đứng tên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trịnh Kim D (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K) trình bày:

Phần đất gia đình bà đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Trịnh Văn Thống từ năm 1988 nhưng không có giấy tờ, diện tích đất khoảng hơn 6 hecta. Giữa phần đất của bà và phần đất của ông Nguyễn Văn Thà có bờ đất làm ranh giới. Năm 1993, Nhà nước múc kênh xáng làm đường nên bờ đất này không còn nữa. Năm 1998, gia đình bà kê khai, đăng ký và được cấp GCNQSDĐ 49.780m² đất. Trước năm 2012, gia đình bà và gia đình ông T phát sinh tranh chấp. Ngày 05/12/2012, tại Ủy ban nhân dân (*dưới đây gọi tắt là UBND*) huyện ĐH hai bên đã thỏa thuận phần đất 300,4 m² thuộc quyền sử dụng của gia đình bà. Sau khi giải quyết tranh chấp thì gia đình bà đã nhận tiền bồi thường đất của Nhà nước, trong đó có diện tích 300,4 m² thuộc một phần thửa 169, diện tích 3.500 m² đất. Ngày 29/10/2013, bà được UBND huyện ĐH cấp

GCNQSDĐ diện tích 3.101 m² đất tại thửa 169 (nay là thửa 183, tờ bản đồ số 25). Do đó, bà không đồng ý trả cho ông T 1.159,9 m² thuộc một phần thửa đất số 183 nêu trên, không đồng ý hủy một phần GCNQSDĐ cấp cho Hộ gia đình bà.

Năm 2013, Nhà nước thu hồi của bà 1.196 m² đất thuộc thửa 23 + 52-1, tờ bản đồ số 28 và bồi thường số tiền 577.159.700 đồng. Phần đất này có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của ông Thống và sử dụng liên tục, ổn định không tranh chấp. Do vậy, bà không đồng ý trả cho ông T số tiền 592.020.000 đồng như ông T yêu cầu.

Đối với diện tích 118,9 m² thuộc một phần thửa đất số 170, tờ bản đồ số 25 thuộc quyền sử dụng của bà, không phải đất của ông T nên bà không đồng ý trả đất cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện ĐH trình bày:

Phần đất tranh chấp diện tích 1.159,9 m² thuộc một phần thửa đất số 183, UBND huyện ĐH đã cấp GCNQSDĐ cho hộ bà D. Việc cấp giấy chứng nhận đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Phần đất tranh chấp có diện tích 118,9 m² thuộc một phần thửa đất số 170, tờ bản đồ số 25 chưa được cấp GCNQSDĐ. Theo Sổ mục kê đất đai lập năm 2006, do ông T kê khai đăng ký. Hiện nay, phần đất này đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.276,1 m² đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Khởi, bà D, trình tự, thủ tục cấp giấy đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 05/3/2021, Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh BL quyết định (*tóm tắt*):

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T, về việc yêu cầu bà Trịnh Kim D, anh Nguyễn Trọng N trả lại diện tích 2.221,2 m² đất, tọa lạc Ấp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, ông Nguyễn Trọng N trả lại quyền sử dụng diện tích 1.159,9 m², tại một phần thửa 169, tờ bản đồ số 25 (theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2006), đất tọa lạc tại Ấp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL (có vị trí tư cận cụ thể).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, ông Nguyễn Trọng N trả lại số tiền 592.020.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, ông Nguyễn Trọng N trả lại diện tích đất 118,9 m². Ghi nhận sự tự nguyện của bà D, ông Nam về việc trả cho ông T phần diện tích 118,9 m² tại một phần thửa 170, tờ bản đồ số 25 (theo Sổ mục kê năm 2006), đất tọa lạc tại

Áp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL (có vị trí từ cận cụ thể).

Ông T, bà Nguyễn Thị Tn có quyền kê khai, đăng ký để được cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2021, ông Nguyễn Công T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, về phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 19/3/2021, bà Trịnh Kim D có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, về phần án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 67/2021/DS-PT ngày 28/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh BL quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn bà Trịnh Kim D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh BL.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, quyền, nghĩa vụ thi hành án, hiệu lực của bản án.

Ngày 26/12/2021, ông Nguyễn Công T có đơn đề nghị kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 93/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 20/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 67/2021/DS-PT ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BL, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh BL; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh BL xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về nội dung kháng nghị quá trình giải quyết vụ án, ông D trình bày Biên bản hòa giải ngày 05/12/2012 chỉ là cơ sở để T điều kiện cho hai bên nhận tiền đền bù của Nhà nước, tranh chấp giữa ông T và bà D chưa được giải quyết*

dứt điểm nên bà D được cấp GCNQSDĐ là chưa đủ căn cứ pháp lý; Về nội dung kháng nghị hiện trạng sử dụng đất khi các bên chưa thống nhất về ranh giới đất nhưng bà D đã đi đăng ký kê khai và được cấp GCNQSDĐ là chưa bảo đảm về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ:

[1.1] Phần đất tranh chấp diện tích 1.159,9 m², thuộc một phần thửa đất số 169 có tổng diện tích 3.101m², tờ bản đồ số 25 (nay là thửa 183, tờ bản đồ số 25), tại Ấp 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh BL đã được UBND huyện ĐH, tỉnh BL cấp GCNQSDĐ số BQ 048375 (số vào sổ cấp GCN: CH 01291) ngày 29/10/2013 cho Hộ bà Trịnh Kim D, hiện nay gia đình bà D đang quản lý, sử dụng. Giáp ranh với thửa 169 là thửa đất số 170 gia đình ông Nguyễn Công T đang quản lý, sử dụng.

[1.2] Theo “*Biên bản làm việc*” ngày 05/12/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH (có sự tham gia của các cơ quan, ban ngành huyện, thị trấn, ấp và các bên có tranh chấp), nội dung Biên bản thể hiện: “*Qua trao đổi, bàn bạc của hai bên đương sự và các hộ giáp ranh và giải thích, động viên của các ngành chức năng nên hai bên đương sự thống nhất như sau:*

+ Ông Nguyễn Công T: *thống nhất theo ranh giới trụ gỗ do bà Trịnh Kim D cầm theo bản vẽ do Phòng TN&MT lập, theo Biên bản ngày 31/10/2012. Phần đất tranh chấp đối với phần đất 300,4 m² cho bà D để chấm dứt việc tranh chấp.*

+ Bà D *thống nhất theo ý kiến của ông T và căn cứ theo ranh giới nêu trên để thực hiện.*

Qua ý kiến của các bên đương sự và các hộ giáp ranh, ông Bùi Minh Quý, Phó Chủ tịch UBND huyện kết luận như sau:

- *Hai bên thỏa thuận thống nhất theo nội dung nêu trên và cam kết thực hiện không còn tranh chấp. Ông Nguyễn Công T, bà Trịnh Kim D có quyền được nhận tiền bồi hoàn theo dự án đúng theo quy định căn cứ theo bản vẽ của Phòng TN&MT xác lập ngày 31/10/2012”.*

Căn cứ “*Biên bản làm việc*” ngày 05/12/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã giải quyết xong, dứt điểm về ranh giới quyền sử dụng đất. Bà D đã đăng ký, kê khai và được cấp lại GCNQSDĐ theo đúng Biên bản thỏa thuận phân chia ranh giới ngày 31/10/2012. Tại Công văn số 241/UBND ngày 10/02/2020, UBND huyện ĐH xác định việc cấp GCNQSDĐ cho bà D là đúng quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như khiếu nại giám đốc thẩm, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Biên bản hòa giải ngày 05/12/2012 chỉ là cơ sở để T điều kiện cho hai bên nhận tiền đền bù của Nhà nước trong khi lời trình bày của ông T không được bà D thừa nhận.

Tại Văn bản số 916/UBND ngày 06/5/2013 của UBND huyện ĐH về việc giải quyết đơn yêu cầu của ông Nguyễn Công T có nội dung UBND huyện có nhận được đơn yêu cầu đề ngày 02/5/2013 của ông Nguyễn Công T yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Trịnh Kim D, đất tranh chấp tọa lạc tại Ấp 5, thị trấn Gành Hào. UBND huyện giao UBND thị trấn Gành Hào kiểm tra, xác minh và hòa giải vụ việc theo quy định của pháp luật về đất đai... Báo cáo kết quả về Chủ tịch UBND huyện trước ngày 30/5/2013. Hồ sơ vụ án không thể hiện kết quả giải quyết tranh chấp của UBND thị trấn Gành Hào.

Theo Biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện ông T trình bày ông thống nhất để cho bà D phần đất diện tích 300,4 m² đất theo biên bản ngày 05/12/2012 vì Nhà nước cần làm đường, nhưng cho rằng những phần đất khác cũng đang tranh chấp thì ông không đồng ý UBND cấp cho bà D.

Xét thấy tại “*Biên bản làm việc*” ngày 05/12/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH chỉ thể hiện các bên đương sự chỉ tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, không tranh chấp các thửa đất khác nên căn cứ Biên bản làm việc này, UBND huyện ĐH cấp GCNQSDĐ ngày 29/10/2013 cho hộ bà Trịnh Kim D là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 159 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 và Điều 50 Luật Đất đai 2003.

Đối với phần đất ông T tranh chấp có diện tích 1159,9 m²: Ông T cho rằng nguồn gốc diện tích của cụ Nguyễn Văn Thà (cha vợ) cho vợ chồng ông theo “*Tờ ủy quyền*” ngày 29/4/2004, tuy nhiên “*Tờ ủy quyền*” không thể hiện cụ Thà cho diện tích đất là bao nhiêu, số thửa, tờ bản đồ và vị trí đất được cho nên không có căn cứ xác định phần đất được tặng cho là diện tích đất tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác nhận do diện tích đất này là đất nuôi trồng thủy sản nhưng không có đường thoát nước nên ông để đất trống, không sử dụng và gia đình ông cũng không kê khai đăng ký trong sổ mục kê. Ngoài “*Tờ ủy quyền*” và lời trình bày thì ông T cũng không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh nguồn gốc đất là của mình trong khi bà D là người quản lý đất, có kê khai đăng ký và được UBND cấp GCNQSDĐ năm 2013 đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bà D trả lại phần đất diện tích 1.159,9 m² thuộc một phần thửa đất số 169 nêu trên cũng như không chấp nhận yêu cầu của ông T buộc bà D, anh Nam trả số tiền đã nhận bồi thường 592.020.000 đồng đối với diện tích 1196 m² đất Nhà nước đã thu hồi trong GCNQSDĐ của bà D là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về nội dung kháng nghị “Căn cứ vào Trích lục bản đồ địa chính cùng ngày 13/8/2013 thể hiện thửa đất tranh chấp đã qua 03 lần tách thửa, hợp thửa:*

đầu tiên trong Trích lục bản đồ địa chính thể hiện phân đất tranh chấp thuộc thửa 51, 52 tờ bản đồ số 25. Sau đó, thửa 51, thửa 52 hợp thành thửa đất 168; cuối cùng thửa 168 lại tách thành thửa đất số 169 và thửa đất số 170. Tòa án hai cấp chưa làm rõ tại sao có sự tách nhập thửa đất trong cùng một tờ bản đồ và trích lục bản đồ như vậy, đồng thời đánh giá về việc tách, nhập thửa có đảm bảo quy định của pháp luật về việc tách, nhập thửa hay không mà chỉ căn cứ Công văn số 241/UBND ngày 10/02/2020 của UBND huyện ĐH để xác định phân đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bà D là chưa đủ cơ sở vững chắc”:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, phần đất của ông T và bà D đã qua nhiều lần bị Nhà nước thu hồi để thực hiện công trình công cộng như bồi đắp kênh thủy lợi, giải phóng mặt bằng để làm đường, sau đó phát sinh tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất. Việc thửa đất tranh chấp bị biến động, tách hợp thửa nhiều lần là phù hợp với thực tế sử dụng đất. Hơn nữa, vấn đề tách hợp thửa đất nêu trên cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Không có cơ sở để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] *Về nội dung kháng nghị Tại Công văn số 207/VPĐKĐ ngày 21/12/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BL trả lời đơn khiếu nại của ông T, có nội dung: “...Việc Văn phòng đăng ký có đo đạc lại đất giáp ranh của ông nhưng không mời ông chứng kiến, không cho ông ký giáp ranh mà cấp giấy CNQSDĐ cho bà D là chưa đúng trình tự, thủ tục”:*

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa phần đất của ông T và phần đất của bà D đã được xác định tại bản vẽ do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập theo Biên bản ngày 31/10/2012. Căn cứ theo quy định tại điểm 6, khoản 3.6, Điều 3 Thông tư 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thì sau khi ông T, bà D đã thỏa thuận được với nhau về ranh đất theo biên bản làm việc ngày 05/12/2012 thì GCNQSDĐ được cấp theo đường ranh giới chung của thửa đất với thửa đất liền kề như đã xác định trên bản vẽ. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng căn cứ nội dung công văn nêu trên, cần phải xem xét lại việc cấp GCNQSDĐ cho bà D có đúng quy định của pháp luật hay không, cần làm rõ ranh giới quyền sử dụng đất của các bên là không cần thiết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng nghị số 93/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 20/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 67/2021/DS-PT ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BL, về việc giải quyết vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Công T với bị đơn là bà Trịnh Kim D (và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan).

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định ./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP.HCM;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TAND TC
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh BL;
- TAND huyện ĐH, tỉnh BL;
- Chi Cục THADS huyện ĐH, tỉnh BL;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP (kèm hồ sơ), Phòng GDKT II, HS; THS (NL).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân